TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẤP VÒ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 18/02/2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- ***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trương Thị Bích Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Kim Lịnh

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt

- *Thư ký phiên toà*: Ông Bùi Lê Phú Quý là thư ký Toà án nhân dân huyện Lấp Vò.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò tham gia phiên tòa*: ông Nguyễn Trọng Huy là Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 87/2009/TLST-HNGĐ, ngày 15/10/2009, về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 2/11/2018, Thông báo mở lại phiên tòa số 01/TB-TA, ngày 31/01/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 329, khóm A, TT. B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Tạm trú: Số 84 ấp C, xã D, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn N, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 34 ấp A, xã B, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp. TT: Số 63A khóm A, thị trấn B, huyện Lấp Vò, Đồng Tháp. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị H trình bày:

Chị H và anh N tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1996, không đăng ký kết hôn, hôn nhân sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm, tin tưởng nhau, thường xuyên cãi vã và vợ chồng đã ly thân từ năm 2006 đến nay. Quá trình sống chung chị H và anh N có 01 con chung tên Lê Hoàng Minh Q, sinh ngày 29/3/1999 hiện con đã trưởng thành.

Nay chị H yêu cầu xin ly hôn với anh N.

- Về con chung: Đã trưởng thành chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị H có yêu cầu chia tài sản là thửa đất số 474, tờ bản đồ số 6a, diện tích 310m^2, phần diện tích đất Huyện Đội cấp cho anh N và 10 chỉ vàng 24k tất cả tài sản trên chị H trình bày là chị H và anh N đã thống nhất tự thỏa thuận xong nên không yêu cầu Tòa án giải quyết và rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện đối với phần tài sản trên tại phiên tòa.

- Về nợ chung: Không có, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Lê Văn N trình bày: Anh N và chị H tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 1996, không đăng ký kết hôn, hôn nhân sống hạnh phúc đến năm 2003 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không quan tâm, tin tưởng nhau, thường xuyên cãi nhau và vợ chồng đã ly thân từ năm 2006 đến nay. Trong quá trình ly thân anh N và chị H cũng tìm nhiều biện pháp hàn gắn nhưng vẫn không hàn gắn được. Quá trình sống chung chị H và anh N có 01 con chung tên Lê Hoàng Minh Q, sinh ngày 29/3/1999 hiện đã trưởng thành hiện chung hộ khẩu với anh N.

Nay chị H xin ly hôn anh N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H.

- Về con chung: Đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về tài sản chung: Anh N và chị H đã thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị H xin ly hôn với anh Lê Văn N và anh N đăng ký hộ khẩu tại thị trấn B, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện Lấp Vò theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Chị H xin ly hôn với anh N yêu cầu giải quyết về con chung, tài sản chung nên quan hệ pháp luật trong vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về con chung, tài sản chung khi ly hôn" theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Chị Nguyễn Thị H và anh Lê Văn N tự nguyện sống với nhau như vợ chồng năm 2003 không đăng ký kết hôn, sau khi chung sống hạnh phúc đến năm 2006 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không tin tưởng lẫn nhau, tại thời điểm chung sống anh chị đã đủ các điều kiện đăng ký kết hôn theo luật định nhưng anh chị không tiến hành đăng ký kết hôn và thực hiện nghi thức kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị H yêu cầu được ly hôn với anh N, anh N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị H. Nhưng do chị H và anh N không đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Tại khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình quy định:

"Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý".

Từ Điều luật dẫn giải trên xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị H và việc anh N đồng ý ly hôn là không phù hợp nên không được chấp nhận, mà phải tuyên không công nhận quan hệ giữa chị H và anh N là quan hệ vợ chồng làm cơ sở pháp lý chấm dứt việc chung sống với nhau như vợ chồng của anh, chị.

[3] Về con chung: Quá trình sống chung chị H và anh N có 01 con chung tên Lê Hoàng Minh Q, sinh ngày 29/3/1999 hiện đã trưởng thành. Chị H và anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về chia tài sản: Tại phiên tòa chị H đã rút toàn bộ yêu cầu về chia tài sản chung không yêu cầu Tòa giải quyết về tài sản; anh, chị sẽ tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét phán quyết.

[5] Về nợ chung: Chị H và anh N không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét phán quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 9, Điều 14, 15, 81, 82, 83, 107 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị H với anh Lê Văn N là quan hệ vợ chồng.

2. Về nuôi con chung: Con chung của anh chị tên Lê Hoàng Minh Q hiện đã trưởng thành, chị H và anh N không yêu cầu giải quyết.

3. Về chia tài sản: Chị H và anh N tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị H và anh N không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 005393 ngày 15/10/2009 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò. Chị H còn phải nộp thêm số tiền là 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng).

6. Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện KSND huyện Lấp Vò;
- CCTHADS huyện Lấp Vò;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Trương Thị Bích Thủy